



PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Tên chất hoặc tên sản phẩm: Hạt Soda Speckle

Số CAS: 497-19-8

Số đăng ký EC: 207-838-8

Chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại: cảnh báo ăn mòn, độc cấp tính cấp 4, tổn thương mắt cấp 1, độc tính với cơ thể cấp 3⁽¹⁾

Ký hiệu tượng hình thể hiện tính nguy hại theo GHS :



PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất : Soda Ash Dense & Soda Ash Light
- Tên thương mại : Soda Ash Dense & Soda Ash Light
- Tên khác (không là tên khoa học) : Soda nặng và soda nhẹ

Mã sản phẩm: SAD; SAL

Tên nhà sản xuất và địa chỉ:

Công ty TNHH Đức Minh.

Đc: Khu CN Khai Quang, thôn Hán Lữ, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Mục đích sử dụng: Là chất phụ gia trong sản xuất xà phòng, bột giặt.

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)
Sodium Carbonate	497-19-8	Na ₂ CO ₃	≤ 100%
(2-Hydroxy-ethyl)-phenyl-ether	122-99-6	C ₁₁ H ₁₄ O ₅	< 0.01 %
Naphthalenesulfonic acid, polymer with formaldehyde, sodium salt	9084-06-4	-	< 0.01%
Alcohols, C16-18, ethoxylated	68439-49-6	-	< 0.01%

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm: Do các hàm lượng chất tạo màu đều < 0.01% nên mức độ nguy hiểm là do hóa chất có thành phần chính là Sodium Carbonate theo cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia Soda Carbonate được cảnh báo ăn mòn, độc cấp tính cấp 4, tổn thương mắt cấp 1, độc tính với cơ thể cấp 3, biểu tượng.

2. Cảnh báo nguy hiểm:

- H314: Gây bỏng da và tổn thương mắt
- H355: Có thể gây kích ứng đường hô hấp (hít bụi).

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: do dính vào tay hoặc quần áo, v.v rồi đưa lên mắt khi đó mắt sẽ có hiện tượng bỏng rát, mẩn đỏ, chảy nước mắt.
- Đường thở: do có hiện tượng bay dạng bụi vào không khí, nên khi hít phải sẽ có hiện tượng hắt hơi, sổ mũi liên tục, nếu hít phải lượng lớn có thể gây tức ngực khó thở.
- Đường da: khi dính vào da soda carbonate sẽ hút ẩm gây ăn da, khi tay có dính nước cụ thể sẽ thấy da có hiện tượng trợt nhợt nếu tiếp xúc lâu sẽ thấy có hiện tượng bỏng rát mẩn đỏ, thậm chí sưng tấy.
- Đường tiêu hóa: khi tiếp xúc sẽ kích ứng mạnh lên niêm mạc của hệ thống tiêu hóa gây cảm giác bỏng rát nôn mửa rất nguy hiểm gây tổn thương nghiêm trọng đến niêm mạc miệng, thực quản, dạ dày.

* Phương pháp phòng ngừa:

- P261: Tránh hít phải hơi/bụi/khí/sương có chứa hóa chất
- P280: Mang bảo hộ mắt, găng tay, khẩu trang khi, quần áo bảo hộ khi tiếp xúc
- P305+P351+P338 KHI BỊ DÍNH VÀO MẮT : Rửa cẩn thận bằng nước sạch trong vài phút, tách kính áp tròng (nếu có) nếu dễ dàng sau đó rửa tiếp.
- P310: Gọi cho trung tâm y tế chuyên khoa và đưa nạn nhân đi điều trị.

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SO CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): sử dụng mã phòng ngừa P305+P351+P338+P310 KHI BỊ ĐÍNH VÀO MẮT:

- Rửa cẩn thận bằng nước sạch trong vài phút, tách kính áp tròng (nếu có) nếu dễ dàng sau đó rửa tiếp, liên hệ cơ sở y tế có chuyên khoa mắt để chữa trị tiếp.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Rửa liên tục bằng nước sạch.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: áp dụng mã phòng ngừa P310:

Nhanh chóng ra khu vực thoáng mát, liên hệ trung tâm y tế chuyên khoa nếu bị ngạt cho thở oxy .

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): áp dụng mã P501, P264, P270, P321, P405, P260, P309, P311:

- Không được gây nôn vì những co bóp có thể gây sặc ảnh hưởng đến hệ hô hấp và gây tổn thương nặng hơn cho thực quản, lập tức cho uống nhiều nước, sữa (nếu có thể), rồi đưa đến cơ sở y tế chuyên khoa gần nhất điều trị tiếp.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị : Tuyệt đối không được rửa mắt bằng nước bẩn hoặc nước nóng hoặc nước có độ pH cao như nước vôi trong... đối với trường hợp nuốt nhầm bị nặng đến ngất xỉu phải cân nhắc khi đưa bất kỳ thứ gì vào miệng của nạn nhân vì khi đó thực quản, dạ dày và miệng đã bị tổn thương nghiêm trọng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Chất không cháy.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Không xác định.

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): Không xác định.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Không xác định.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Không xác định.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có): Không xác định.

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

1. Khi rách hỏng túi, bao chứa ở mức nhỏ: có thể dùng xẻng, chổi để quét, xúc thu hồi.

2. Khi rách hỏng túi, bao chứa ở diện rộng: dùng các phương tiện cơ giới, máy xúc ủi gom gọn rồi thu hồi lại để sử dụng

Lưu ý khi tiến hành xử lý công nhân viên phải được trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ phù hợp trước khi tiến hành.

3. Các biện pháp phòng ngừa về môi trường: Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

4. Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch. Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể. Thấm khô. Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng. Tránh tạo ra bụi.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Tránh bị tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc. Trong quá trình sử dụng cần dùng đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động như kính mắt, găng tay cao su, khẩu trang.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Xếp gọn gàng tránh gây rách, vỡ bao chứa, để nơi khô ráo, thoáng mát.

3. Vận chuyển:

Vận chuyển trên xe vận tải thông dụng, có mái che chắn tránh để bao chứa tiếp xúc với mưa gió, ánh nắng chiếu trực tiếp, nguồn nhiệt.

4. Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn: **Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.**

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết: Thông gió tốt nơi bảo quản và sử dụng, sử dụng đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc:

- Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ.

- Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ.

- Bảo vệ tay: khi tiếp xúc lâu sử dụng găng tay.

- Bảo vệ chân: giày bảo hộ, sử dụng ủng cao su nếu buộc phải vào bể, bồn chứa có dính soda.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:

Sử dụng đầy đủ mũ, giày bảo hộ, găng tay cao su, kính bảo hộ.

4. Các biện pháp vệ sinh : Tắm, rửa bằng nước sạch.

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: rắn, dạng hạt	Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$) 1600 $^{\circ}\text{C}$
Màu sắc: Trắng, xám đôi khi vàng.	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$): 851 $^{\circ}\text{C}$
Mùi đặc trưng : Hắc đặc trưng	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định: không phù hợp
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn 18 ở 20 $^{\circ}\text{C}$: Không xác định	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$): không được phân loại
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : không xác định.	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không xác định
Độ hòa tan trong nước: 45,5g/100ml	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không xác định
Độ PH: khi tan trong nước :10 đến 14	Tỷ lệ hoá hơi: Không xác định
Khối lượng riêng (kg/m ³): 1110 ± 10	Các tính chất khác nếu có: không

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Bền ở nhiệt độ thường trên nhiệt độ 851 $^{\circ}\text{C}$ có hiện tượng chảy lỏng

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: không tự phân hủy
- Các phản ứng nguy hiểm:
- Không có dữ liệu đối chiếu.
- Có phản ứng với các loại hoá chất có tính acid và kim loại lưỡng tính trong môi trường nước, ẩm.
- Có phản ứng tạo khí dễ cháy với các kim loại lưỡng tính như Nhôm, Kẽm, v.v. khi ở dạng dung dịch (tạo khí Hydro)
- **Phản ứng trùng hợp:** không có phản ứng trùng hợp.

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Na_2CO_3	Nồng độ tối đa cho phép (2800 mg/kg)	Gây kích ứng	Da, hô hấp, mắt...	Chuột, thỏ...

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): Không có thành phần nào của sản phẩm này ở mức độ lớn hơn hoặc bằng 0,1% được xác định là chất gây ung thư có thể xảy ra, có thể hoặc được xác nhận bởi IARC

2. Các ảnh hưởng độc khác: Không có dữ liệu.

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Na_2CO_3	Hầu hết các sinh vật	Ngay sau khi tiếp xúc trực tiếp	Kích ứng, chết cá nếu nồng độ > 300 g/l

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Không có thông tin
- Chỉ số BOD và COD: Không có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Không phù hợp.
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Không phù hợp.

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Theo thông tư 34/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và môi trường ngày 04/10/2017 quy định về thu hồi, xử lý, sản phẩm thải bỏ.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải : Không có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy: Tham khảo nội dung chương IV của nghị định 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/04/2015 về quản lý chất thải và phế liệu.


4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Tùy vào hình thức mà đơn vị xử lý chất thải áp dụng

** Khuyến cáo:*

Sử dụng dung dịch có tính acid như HCl.

Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: tạo muối và nước không nguy hại.

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - 28/2010/TT-BCT - 104/2012/NĐ-CP - 113/2017/NĐ-CP	-	Soda Ash Dense	2a	Bao PP hoặc PE 50kg/bao		
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ LUẬT PHÁP

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới : Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo):

Việt Nam – Đã khai báo trên Cơ sở dữ liệu hóa chất Quốc gia

2. Phân loại nguy hiểm GHS: Tại Việt Nam, Soda Ash Dense được cảnh báo ăn mòn, ăn mòn, độc cấp tính cấp 4, tổn thương mắt cấp 1, độc tính với cơ thể cấp 3.

PHẦN XVI. THÔNG TIN KHÁC

Ngày tháng biên soạn phiếu : Ngày 3 tháng 3 năm 2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung lần 1 : Ngày 7 tháng 1 năm 2018

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung lần 2: Ngày 20 tháng 01 năm 2021

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo : **Công ty TNHH Đức Minh**

Giám đốc Công ty TNHH Đức Minh

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.